

**ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN**  
**Kỷ niệm 80 năm Ngày Nam Kỳ khởi nghĩa**  
**(23/11/1940 - 23/11/2020)**

-----

**I. BỐI CẢNH LỊCH SỬ, DIỄN BIẾN, KẾT QUẢ CUỘC KHỞI NGHĨA NAM KỲ**

**1. Bối cảnh lịch sử**

Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ. Tháng 6/1940, Pháp đầu hàng phát xít Đức. Lợi dụng cơ hội này, cuối tháng 9/1940, phát xít Nhật kéo quân vào Đông Dương, từ đây nhân dân ta lâm vào tình thế “một cổ hai tròng”. Tháng 11/1940, bọn quân phiệt Thái Lan theo lệnh phát xít Nhật tiến đánh Campuchia. Thực dân Pháp bắt lính Nam Bộ ra trận làm bia đỡ đạn cho chúng. Căm thù thực dân Pháp và đờc cổ vũ bởi tiếng súng khởi nghĩa Bắc Sơn, nhân dân Nam Bộ sục sôi tranh đấu.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ Bảy (khóa I) từ ngày 06 đến ngày 08/11/1939 tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) nhận định: Nhật sẽ xâm chiếm Đông Dương và Pháp sẽ đầu hàng Nhật, cách mạng Đông Dương sẽ bùng nổ; do vậy, phải đoàn kết thực hiện bằng đờc nhiệm vụ chính cốt là đánh đổ đế quốc, giải phóng dân tộc; chủ trương thành lập Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp, giai cấp, dân tộc và các cá nhân yêu nước.

Tinh thần Nghị quyết đã sớm đi vào đảng viên, quần chúng. Phong trào cách mạng ở Nam Kỳ ngày càng phát triển mạnh mẽ, liên tiếp diễn ra nhiều cuộc mít tinh, biểu tình, đấu tranh. Đặc biệt là các cuộc đấu tranh chống bắt lính diễn ra mạnh mẽ kể từ khi thực dân Pháp bắt thêm lính Việt Nam đem sang chiến trường biên giới Ai Lao (Lào) - Cao Miên (Campuchia) để chống Xiêm (Thái Lan). Khí thế chiến đấu diễn ra hầu khắp Nam Kỳ, đặc biệt là ở Mỹ Tho, Vĩnh Long, Long Xuyên, Chợ Lớn, Gia Định, Tân An, Vũng Tàu, Trà Vinh...

Trên cơ sở đó, tháng 3/1940, Ban Thường vụ Xứ ủy Nam Kỳ do đồng chí Võ Văn Tần làm Bí thư thảo ra *Đề cương chuẩn bị bạo đờc*. Từ tháng 7 đến tháng 10/1940, Đảng bộ Nam Kỳ liên tiếp tổ chức nhiều cuộc họp để bàn chủ trương và gấp rút lãnh đạo nhân dân chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, thông qua *Đề cương*; chủ trương thành lập Ban Chỉ huy và Ban Quân sự các cấp; xác định hình thức chính quyền, quốc kỳ, khẩu hiệu; vạch các chính sách đối với nhân dân...

Đến giữa tháng 11/1940, trước tinh thần đấu tranh của quần chúng, đặc biệt là tinh thần phản chiến của binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp, Xứ ủy Nam Kỳ quyết định phát đờc toàn Nam Kỳ nổi dậy đánh đổ chính quyền thuộc địa, giành chính quyền về tay nhân dân. Ngày 21/11/1940, Thường vụ Xứ ủy ra thông báo cho các cấp bộ Đảng nhất loạt phát đờc nhân dân nổi dậy vào lúc 24 giờ ngày

22/11/1940. Thời điểm hành động nhất loạt ở các tỉnh Nam Kỳ là lúc 0 giờ, ngày 22, rạng 23/11/1940, hiệu lệnh là đèn Sài Gòn tắt hoặc có tiếng súng nổ.

Hội nghị Trung ương Đảng họp tại Đình Bảng (Bắc Ninh) từ ngày 6 đến 09/11/1940 nhận định điều kiện khởi nghĩa ở Nam Kỳ và trong cả nước chưa chín muồi, đề nghị Xứ ủy Nam Kỳ chưa nên phát động khởi nghĩa. Trung ương phái đồng chí Phan Đăng Lưu trở về truyền đạt quyết định của Trung ương cho Xứ ủy Nam Kỳ. Nhưng khi đồng chí Phan Đăng Lưu về tới Sài Gòn thì lệnh khởi nghĩa đã ban hành tới các địa phương không thể thu hồi; một số cán bộ chủ chốt của Xứ ủy đã bị địch bắt, Cuộc khởi nghĩa vẫn nổ ra theo kế hoạch.

## **2. Diễn biến, kết quả Cuộc khởi nghĩa**

Chỉ trong một thời gian ngắn kể từ khi Thường vụ Xứ ủy ra *Đề cương chuẩn bị bạo động* (tháng 3/1940), công tác chuẩn bị khởi nghĩa được triển khai rất khẩn trương; các tổ chức phản đế xuất hiện nhiều nơi, nhất là ở vùng nông thôn. Mít tinh, biểu tình liên tiếp nổ ra. Nhiều nơi địch đến đánh phá, nhân dân nổi trống mõ, uy hiếp địch, bảo vệ cán bộ. Các đội tự vệ, du kích phát triển ngay trong những xí nghiệp lớn ở Sài Gòn như Ba Son, nhà máy đèn Chợ Quán, trường Bách Nghệ... Ở nông thôn, phần lớn các xã đều có từ một tiểu đội đến một trung đội du kích. Các cơ sở sản xuất vũ khí làm việc suốt ngày đêm. Nhân dân quyên góp kim khí để đúc đạn; xuất hiện những cơ sở làm bom, lựu đạn xi măng, súng thô sơ ở Mốp Xanh (Tân An), Bà U (Mỹ Tho), chùa Hòa Thượng Đồng (Rạch Giá)... Phong trào chống chiến tranh, chống bắt lính với khẩu hiệu “không một đồng xu, không một người lính cho đế quốc chiến tranh” ngày càng lan rộng. Công tác binh vận được tổ chức ráo riết, phần lớn trong số 15.000 binh lính người Việt trong quân đội Pháp đóng ở Sài Gòn sẵn sàng phối hợp nổi dậy.

Tuy nhiên, vì kế hoạch khởi nghĩa bị địch biết trước nên chúng lòng sục bắt bớ, giữ binh lính người Việt ở trong trại, tước vũ khí của binh lính phản chiến. Dù vậy, cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ vẫn diễn ra theo đúng kế hoạch vào đêm 22 rạng sáng 23/11/1940.

Khởi nghĩa bùng nổ đồng loạt tại hầu hết các tỉnh Nam Kỳ với tinh thần quyết liệt, mạnh nhất là ở Gia Định, Chợ Lớn, Mỹ Tho, Vĩnh Long... Lực lượng vũ trang và quần chúng đã nổi dậy tiến công địch ở các xã, tập kích nhiều đồn bốt, tiến đánh một số quận lỵ, phá hỏng nhiều cầu, đường... Tại một số xã, quận, chính quyền địch hoang mang, tan rã, chính quyền cách mạng được thành lập. Lần đầu tiên cờ đỏ sao vàng xuất hiện ở những nơi đã thành lập chính quyền cách mạng và trong nhiều cuộc biểu tình. Bọn phản cách mạng bị xét xử. Ruộng, thóc của địa chủ phản động được chia cho dân cày nghèo.

Ở *Hóc Môn*, dưới sự chỉ huy của đồng chí Mười Đen - Xứ ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ, quân du kích và hàng nghìn đồng bào kéo đến vây công đồn, chặn đánh địch tiếp viện ở Cầu Bông, giết chết tên Chánh xứ tỉnh Tây Ninh, thu được hơn

chục súng trường. Do quân của địch kéo đến nhiều, du kích không chiếm được đồn, tạm rút lên Truong Mít, Tây Ninh.

Tại *Chợ Lớn*, du kích tập trung ở Đức Hòa, Trung Quận, Cần Giuộc, mỗi nơi khoảng 400 đến 500 người. Ở Đức Hòa, quân du kích đánh tan toán lính địch tại Giồng Đa, giết chết tên đầu sỏ phản động. Tại Trung Quận, du kích cùng nhân dân diệt tề, trừ gian, lập chính quyền cách mạng ở các xã dọc hai bên đường xe lửa. Ở Bến Lức, quân du kích dùng mưu dụ lính ra khỏi đồn, xông vào chiếm đồn lấy súng. Tại Cần Giuộc, du kích do đồng chí Nguyễn Thị Bảy, Tỉnh ủy viên chỉ huy, cùng Nhân dân đánh chiếm trụ sở hội tề, tịch thu sổ sách, bằng triện, lập chính quyền cách mạng ở các xã Phước Lai, Phước Vĩnh Đông, Tân Lập, Long Hậu, Long Đức.

Tại *Vĩnh Long*, quân du kích Vũng Liêm đánh chiếm quận lỵ, công đồn. Quân địch hoảng sợ bỏ chạy, nghĩa quân lập Ủy ban cách mạng và giữ được đồn trong ba ngày.

Tại *Tân An* và *Mỹ Tho*, các xã thuộc hữu ngạn sông Vàm Cỏ Đông và hai bên bờ sông Vàm Cỏ Tây, chính quyền đều về tay nhân dân. Hàng nghìn du kích dưới sự lãnh đạo của Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho đã tiến đánh nhiều nơi, mở rộng vùng giải phóng. Chỉ tính riêng hai quận Châu Thành và Cai Lậy, ta đã giải phóng được 54/56 xã. Lo sợ trước phong trào nổi dậy ở Mỹ Tho, ngày 14/12/1940 địch phải dùng thủy, lục, không quân tiến công nhưng mãi đến 14/01/1941 chúng mới chiếm lại được các đồn, bốt. Trong tình thế đó, quân du kích tạm rút vào Đồng Tháp Mười. Mỹ Tho là nơi giữ được chính quyền lâu nhất.

Ngay từ khi được tin Nam Kỳ khởi nghĩa, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra thông báo khẩn cấp, chỉ thị cho các địa phương “chia lửa” với Nam Kỳ. Từ việc rải truyền đơn, bãi khóa, bãi thị đến việc phát động du kích, nếu có điều kiện phá đường, cầu cống ngăn quân thù đàn áp. Nhưng thực dân Pháp khủng bố khốc liệt, càn quét các vùng khởi nghĩa, tiêu diệt chính quyền cách mạng, cho máy bay dội bom xuống làng mạc, thôn xóm. Tính từ ngày 22/11 đến ngày 31/12/1940, thực dân Pháp gây ra hơn 5.000 vụ bắt bớ; hàng ngàn người bị xử tử, tù đầy, tra tấn vô cùng tàn bạo.

Tháng 12/1940, Xứ ủy Nam Kỳ họp ở Bà Quẹo (Gia Định) quyết định rút lui cuộc khởi nghĩa để tránh tổn thất, đưa lực lượng còn lại xây dựng căn cứ U Minh và Đồng Tháp Mười.

Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bị dập tắt. Thực dân Pháp nhân cơ hội này xử bắn nhiều đồng chí cán bộ kiên trung của Đảng bị bắt từ trước khởi nghĩa, như: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Văn Tần, Nguyễn Hữu Tiến, Phan Đăng Lưu...

### **3. Nhân dân Biên Hòa (Đồng Nai) trong phong trào Nam kỳ khởi nghĩa**

Ngày 01/9/1939, Chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ, thực dân Pháp lộ nguyên hình phát xít tàn bạo. Chúng cấu kết với bọn phát xít Đức, Nhật thẳng tay đàn áp các nước thuộc địa. Chúng ban bố lệnh tổng động viên, tăng cường vơ vét sức người, sức của để phục vụ cho chiến tranh đế quốc.

Ngày 28/9/1939, Phủ toàn quyền Đông Dương ra Nghị định giải tán và tịch thu tài sản của các tổ chức ái hữu, các nghiệp đoàn, mở đầu cuộc khủng bố ác liệt.

Ngày 04/01/1940, tên toàn quyền Catoru (Catroux) công khai tuyên bố: “Chúng ta đánh toàn diện và mau lẹ vào các tổ chức cộng sản. Trong cuộc đấu tranh này phải tiêu diệt cộng sản thì xứ Đông Dương mới được yên ổn và mới trung thành với nước Pháp. Chúng ta không có quyền không thắng, tình thế chiến tranh buộc chúng ta hành động không một chút thương tiếc”<sup>1</sup>.

Ở Biên Hòa, tên Chánh Tham biện tỉnh cũng ra hàng loạt nghị định cấm mọi hoạt động có tính chất chính trị mà chúng cho là có liên hệ với cộng sản và cả những tổ chức dân chủ của quần chúng như đại lý báo Dân Chúng, tổ đọc báo, Hội ái hữu, tương tế v.v... cũng bị giải tán.

Đến cuối năm 1939, thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng, bắt nhiều cán bộ của Đảng giam ở các nhà tù trong và ngoài tỉnh. Chúng đàn áp. Bắt bớ cả những quần chúng tiến bộ, những người phụ trách quản trị các Hội, đoàn ái hữu, tịch thu tiền bạc, tài sản của hội và gia đình họ, đe dọa quần chúng để tống tiền, gây hoang mang chia rẽ trong dân như bắt giam người này, thả người kia và buộc quần chúng phải nhận là bị cộng sản ép buộc.

Mặt khác, chúng tổ chức người chui vào các tôn giáo như Cao Đài, Thiên Chúa... để lừa mị dân chúng, xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng.

Ở khu vực miền núi, các đồn điền cao su, chúng mua chuộc, sử dụng lực lượng binh lính người dân tộc thiểu số và bọn mật thám đưa vào tận các buôn, sóc, các phân sở rình rập, bắt bớ cán bộ cách mạng hoạt động tại đây.

Ngoài khám đường Biên Hòa đã có từ trước, địch còn lập ra các trại tập trung Bà Rá, Tà Lài mà chúng gọi là “căng của những người lao động đặc biệt”, để giam giữ những cán bộ, đảng viên Cộng sản và những người yêu nước chống phát xít ở Nam bộ.

Ở Biên Hòa, thực dân Pháp và bọn tay sai tập trung lực lượng đánh phá ác liệt các xã Bình Ý, Tân Triều, Bình Phước... Những địa phương này chúng gọi là những “làng đỏ”. Hơn 200 dân xã Bình Ý, trong đó có những người lãnh đạo các ủy ban hành động bị bắt về giam giữ tại khám lớn Biên Hòa.

---

<sup>1</sup> Cách mạng Tháng Tám - Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương - xuất bản năm 1978, trang 8

Để phục vụ cho việc phòng thủ, vợ vét sức người, sức của cung ứng cho cuộc chiến tranh đế quốc, thực dân Pháp thực hiện lệnh tổng động viên tuyển mộ lính, kéo dài thời hạn tại ngũ những người đã mãn hạn; đồng thời, tăng cường bắt nhân dân lao động, xây dựng thêm đường sá, cầu cống, mở rộng sân bay Tân Phong, trường bắn Bình Ý, lập xưởng sửa chữa máy bay...

Địch tăng cường vợ vét bóc lột bằng các hình thức dã man nhất, tất cả các sắc thuế đều tăng, đặt ra nhiều loại thuế mới như “đảm phụ quốc phòng”, “quốc trái”..., ra lệnh sung công, truy thu, trưng dụng các phương tiện vận tải hàng hóa của tư nhân nhằm thực hiện chính sách kinh tế thời chiến mà chúng gọi là “kinh tế chỉ huy”. Đời sống nhân dân Biên Hòa ngày càng bị bần cùng hóa.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Xứ ủy Nam Kỳ về chuyên hướng công tác tổ chức và đấu tranh cho phù hợp với tình hình mới, từ cuối năm 1939, Tỉnh ủy Biên Hòa đã có kế hoạch đưa các tổ chức, cán bộ hoạt động công khai vào bí mật, hoạt động dưới hình thức bán hợp pháp và bí mật. Các đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa, Phạm Văn Khoai, Phạm Văn Thuận, Hồ Văn Đại... tạm lánh về các địa phương khác để tránh địch khủng bố, bắt bớ, tiếp tục hoạt động cách mạng. Riêng đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa bị địch bắt và đày lên cãng Bà Rá.

Các đồng chí trong Tỉnh ủy lâm thời như: Lê Văn Tôn, Huỳnh Văn Phan, Huỳnh Liễn, Nguyễn Hồng Kỳ, Trần Minh Triết... rút vào hoạt động bí mật ở rừng Tân Uyên. Tại đây các đồng chí đã xây dựng được một đội võ trang 35 người do đồng chí Huỳnh Liễn chỉ huy. Lực lượng này chính là tiền thân của lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa do Đảng ta tổ chức và lãnh đạo.

Tháng 7 năm 1940, Xứ ủy Nam kỳ triệu tập Hội nghị mở rộng tại xã Tân Lương (tỉnh Mỹ Tho). Sau nhiều ngày thảo luận, Hội nghị đi đến nhất trí thông qua chủ trương, kế hoạch khởi nghĩa và thành lập ban quân sự các cấp. Hội nghị cũng đã bầu ra Xứ ủy mới do đồng chí Tạ Uyên làm Bí thư và cử đồng chí Phan Đăng Lưu ra miền Bắc dự hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 7 (tháng 11/1940) và xin chỉ thị của Trung ương về chủ trương khởi nghĩa.

Tháng 9 năm 1940, Xứ ủy tiếp tục mở hội nghị tại xã Tân Xuân, Hóc Môn, Gia Định để quyết định một số vấn đề về công tác trọng yếu. Trao cho Thường vụ Xứ ủy quyền ra lệnh khởi nghĩa, quyết định mẫu cờ lá nền đỏ, ở giữa ngôi sao vùng năm cánh.

Ngày 20/11/1940, lệnh khởi nghĩa được gởi đi các nơi quyết định toàn Xứ khởi nghĩa vào đêm 22/11/1940. Trong lúc đó đồng chí Phan Đăng Lưu sau khi dự hội nghị lần thứ 7, mang chỉ thị của Trung ương hoãn cuộc khởi nghĩa vừa về đến Sài Gòn, thì lệnh khởi nghĩa của Thường vụ Xứ ủy đã xuống tận cơ sở không thể hoãn được nữa.

Ở Biên Hòa, công tác chuẩn bị khởi nghĩa được tiến hành khẩn trương, sôi nổi nhất là ở một số nơi thuộc Tân Uyên và Châu Thành, các đồng chí trong Tỉnh ủy và một số đảng viên khác len lỏi về các quận, các xã chỉ đạo các chi bộ, các cơ sở cốt cán ở địa phương chuẩn bị lực lượng phát động quần chúng khởi nghĩa.

Do kế hoạch khởi nghĩa bị lộ ngay từ đầu nên sáng ngày 24/11/1940, địch bao vây các địa điểm chuẩn bị khởi nghĩa, các đồng chí trong Tỉnh ủy như: Lê Văn Tôn, Nguyễn Hồng Kỳ bị địch bắt đày đi Côn Đảo. Đồng chí Huỳnh Liễn hy sinh ở Lạc An. Nhiều đồng chí cán bộ đảng viên khác cũng bị địch bắt đem giam giữ các cǎng Bà Rá, Tà Lài. Đồng chí Nguyễn Vạn Quý (Chín Quý) đưa đội vũ trang rút vào rừng hoạt động và tồn tại cho đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Mặc dù đã bị lộ nhưng cuộc khởi nghĩa ngày 23/11/1940, công nhân Nhà máy cưa BIF (Biên Hòa) treo một lá cờ búa liềm trên dây điện của Palăng trực gỗ. Tuy phát hiện được từ sáng sớm nhưng mãi hơn 09 giờ sáng bọn chủ mới dám cho thợ điện trèo lên gỡ lá cờ xuống. Một lá cờ búa liềm khác cũng được treo trên cây cao ở ngay ngã ba máy cưa đã tạo nên niềm phấn khởi cho công nhân nhà máy và dân chúng quanh vùng.

Cũng trong khoảng thời gian này hàng trăm truyền đơn kêu gọi ủng hộ Liên bang Xô Viết, ủng hộ cách mạng Pháp, phản đối cuộc chiến tranh Pháp - Xiêm, phản đối sự tàn bạo da man của bọn thực dân phát xít được rải nhiều nơi ở Biên Hòa.

Ngày 29/12/1940, hơn 2000 công nhân cao su ở các xã Cam Tiêm, Cuộc - Tô - Nay tiến hành bãi công, đấu tranh đòi ngày làm 08 giờ, được nghỉ ngày chủ nhật, hủy bỏ chế độ lao động chiều thứ bảy hàng tuần. Thực dân Pháp điều một trung đội lính do tên thanh tra công ty Đất Đỏ, mà công nhân gọi miệt thị là tên “Tây đầu đỏ” chỉ huy, xuống đàn áp. Chúng đã man xǎ súng bắn bừa bãi vào công nhân, làm chết, bị thương hàng chục người và bắt đi hơn 100 người khác.

Cuộc khởi nghĩa không thành công, địch thẳng tay chém giết, đốt nhà, bắt hàng loạt người không kể là đảng viên hay quần chúng, đánh đập rất tàn nhẫn kể cả ông già, phụ nữ. Chúng tung mật thám chỉ điểm rình rập mọi nơi, chỗ nào chúng tình nghi có cộng sản thì lập tức đưa lính tới đàn áp, bắt bớ, chém giết, gây nên tình hình căng thẳng trong tỉnh suốt ngày đêm và kéo dài trong nhiều tháng. Kẻ thù ra sức khủng bố rất ác liệt, nhưng chúng không thể nào dập tắt được phong trào cách mạng đã được nhen nhóm gây dựng trong lòng quần chúng yêu nước. Nhân dân Biên Hòa vững vàng tiếp bước đấu tranh.

## **II. Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

### **1. Ý nghĩa lịch sử**

Diễn ra trong một thời gian ngắn nhưng khởi nghĩa Nam Kỳ là cuộc khởi nghĩa vũ trang có phạm vi rộng nhất và mức độ quyết liệt nhất kể từ khi thực dân

Pháp xâm chiếm lục tỉnh Nam Kỳ năm 1867 đến thời điểm đó. Tuy thất bại nhưng khởi nghĩa Nam Kỳ có ý nghĩa lịch sử sâu sắc đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước của Nhân dân ta:

- Cùng với khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ “là những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu tranh đấu bằng võ lực của các dân tộc ở một nước Đông Dương”<sup>2</sup>. Cuộc khởi nghĩa đã thể hiện sức mạnh quật khởi, lòng tin tưởng và sẵn sàng hy sinh của nhân dân các tỉnh Nam Bộ trong cuộc đấu tranh giành tự do, độc lập dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chính vì lẽ đó, ngày 14/11/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Sắc lệnh 163-SL tặng thưởng Huân chương Quân công hạng nhất cho Đội quân khởi nghĩa Nam Bộ năm 1940. Đó là sự khắc ghi của dân tộc đối với công lao và sự hy sinh của quân và dân Nam Kỳ.

- Từ cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, nhiều cán bộ của Đảng được rèn luyện, thử thách. Sau khởi nghĩa, một đội ngũ cán bộ, đảng viên trung thành với lý tưởng của Đảng, gương mẫu chiến đấu hy sinh vì quyền lợi của dân tộc, của nhân dân đã trưởng thành và đảm đương những trọng trách mà Đảng ta giao phó về sau. Từ đây, có hàng vạn quân chúng nhân dân yêu nước được thử thách trong đấu tranh, tiếp tục đi theo Đảng thực hiện cách mạng giải phóng dân tộc tiến tới giành thắng lợi Cách mạng Tháng Tám 1945.

- Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ mang tính chất một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, tính nhân dân rộng rãi và sâu sắc. Đó là minh chứng sinh động cho chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu của Đảng với phương pháp đấu tranh vũ lực là hoàn toàn đúng đắn và sáng tạo. Đồng thời, khởi nghĩa Nam Kỳ cũng là cơ sở thực tiễn để Đảng ta hoàn thiện con đường chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Từ kinh nghiệm các cuộc khởi nghĩa ở Bắc Sơn, Nam Kỳ, binh biến Đô Lương, Đảng đã có những bước đi cần trọng, chu đáo trong đánh giá, xác định thời cơ, chuẩn bị lực lượng... đi tới giải phóng toàn dân tộc.

- Với cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, từ trong quá trình chuẩn bị và diễn ra, lần đầu thiết chế “Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” được đề cập trong truyền đơn rải ở thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn và tiêu ngữ “Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quốc” được viết trên các băng rôn treo trước trụ sở các ủy ban cách mạng ở Long Hưng, Vĩnh Kim (Mỹ Tho). Lá cờ đỏ sao vàng năm cánh xuất hiện trong khởi nghĩa Nam Kỳ đã trở thành biểu tượng của khối đại đoàn kết toàn dân, biểu tượng của tinh thần và ý chí đấu tranh cách mạng của nhân dân. Cờ đỏ sao vàng năm cánh sau đó đã được Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chọn làm biểu tượng của Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh và đến ngày 09/11/1946 được ghi chính thức trong Hiến pháp, thông qua tại Kỳ họp thứ Hai Quốc hội (khóa I).

## **2. Bài học kinh nghiệm**

---

2.Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 109.

Khởi nghĩa Nam Kỳ là thực tiễn sinh động về phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân và để lại những bài học quý báu, đó là:

**Một là**, bài học về cụ thể hóa đường lối của Đảng phù hợp với thực tiễn địa phương, phải đặt địa phương trong mối tương quan với cả nước và có sự phối hợp khởi nghĩa giữa các địa phương trong cả nước. Một trong những nguyên nhân thất bại của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ là vì chưa được đặt trong sức mạnh chung của toàn quốc.

**Hai là**, bài học về công tác chuẩn bị các điều kiện *cần* và *đủ* cho một cuộc khởi nghĩa nổ ra có thể giành được thắng lợi, đặc biệt là chuẩn bị về lực lượng chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang và khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh du kích, xây dựng và kiểm tra kế hoạch, phát hiệu lệnh khởi nghĩa.

**Ba là**, bài học về xây dựng đội quân chủ lực, xác định rõ các lực lượng phối hợp của cuộc khởi nghĩa và đánh giá đúng vai trò của các lực lượng. Lực lượng vũ trang của binh lính là quan trọng nhưng quyết định vẫn là quần chúng công nông.

**Bốn là**, bài học về việc giữ vững sự gắn bó máu thịt giữa Đảng và quần chúng; không ngừng xây dựng lực lượng cách mạng trong quần chúng; khơi dậy và nhân lên sức mạnh vĩ đại từ sự đồng tâm, hiệp lực của quần chúng.

**Năm là**, bài học về tính khoa học của kế hoạch lãnh đạo khi tiến công và thoái thủ; dự trù các phương án thắng - thua và khả năng giải quyết nếu khởi nghĩa thất bại; kế hoạch rút lui bảo toàn cơ sở và lực lượng.

### **III. PHÁT HUY TINH THẦN NAM KỲ KHỞI NGHĨA TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

Kỷ niệm 80 năm Ngày Nam Kỳ khởi nghĩa diễn ra vào thời điểm toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đang thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; phát huy tinh thần và những bài học kinh nghiệm của Cuộc khởi nghĩa đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, các cấp, các ngành cần nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của đất nước, trọng tâm là:

- Tập trung xây dựng Đảng vững mạnh toàn diện, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, nhất là không ngừng nâng cao trí tuệ, năng lực hoạch định đường lối, chủ trương, chiến lược cách mạng khoa học và sáng tạo của Đảng, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn cách mạng giai đoạn đổi mới. Nghiên cứu, phân tích, nhận định tình hình thế giới và trong nước, nắm chắc, tận dụng thời cơ đưa đất nước vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Không ngừng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc thành nguồn sức mạnh và động lực to lớn để tranh thủ thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và



bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh tổ chức các phong trào thi đua yêu nước gắn với thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước trong từng thời kỳ nhằm tích cực phát huy vai trò của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Tăng cường củng cố, xây dựng lực lượng quốc phòng - an ninh vững chắc, trong đó, chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng; đồng thời, chú trọng công tác bảo vệ bí mật nhà nước, kịp thời phát hiện, phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn, vô hiệu hóa các hoạt động phá hoại, đánh cắp thông tin, bí mật nhà nước của các thế lực thù địch, phản động, gây nguy hại đến an ninh quốc gia.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng; đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chạy chức, chạy quyền; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong tổ chức đảng thực sự tiên phong, gương mẫu, trước hết là người đứng đầu; làm cho nhân dân tin yêu và gắn bó máu thịt với Đảng. Đồng thời, đẩy mạnh phong trào tự soi, tự sửa theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để nâng cao chuẩn mực đạo đức, ý thức trách nhiệm, tác phong công tác cho cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ.

## **BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY**

*(Nguồn: Ban Tuyên giáo Trung ương)*